ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG VINACAPITAL

DO CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL QUẢN LÝ

Sửa đổi lần 1 ngày: 19/11/2019

Sửa đổi lần 2 ngày: 20/04/2020

Classified: Public

MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ 5

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI 6

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG 8

Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ 8

Điều 2. Thời Hạn Của Quỹ 9

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ 9

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Đơn Vị Quỹ Được Chào Bán 9

Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ Của Quỹ 9

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ 9

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát 9

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ 10

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư 10

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bổ Tài Sản 11

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư 13

Điều 11. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ 14

Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư 14

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ 15

Điều 13. Nhà Đầu Tư 15

Điều 14. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư 15

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư 16

Điều 16. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 16

Điều 17. Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 18

Điều 18. Thừa Kế Chứng Chỉ Quỹ 20

Điều 19. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Đơn Vị Quỹ 20

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 21

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư 21

Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 22

Điều 22. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản 22

Điều 23. Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 25

Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư 25

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 26

Classified: Public

Điều 25. Ban đại diện Quỹ 26
Điều 26. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 26
Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ 26
Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ 27
Điều 29. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ 28
Điều 30. Đình Chỉ Và Bãi Miễn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ 28
Điều 31. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Ban Đại Diện Quỹ 29
CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 29
Điều 32. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ 29
Điều 33. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 29
Điều 34. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ 33
Điều 35. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ 34
CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 35
Điều 36. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát 35
Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát 35
Điều 38. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát 36
Điều 39. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát 38
CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 39
Điều 40. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền 39
Điều 41. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan 39
Điều 42. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan 39
Điều 43. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền 41
Điều 44. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền 42
CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH 42
Điều 45. Đăng Ký Hoạt Động Phân Phối Đơn Vị Quỹ 42
Điều 46. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh 43
Điều 47. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Đơn Vị Quỹ 44
CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 45
Điều 48. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán 45
Điều 49. Năm Tài Chính 45
Điều 50. Chế Độ Kế Toán 45
Điều 51. Báo Cáo Tài Chính 46
Điều 52. Báo Cáo Khác 46
CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 46
Điều 53. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng 46

Classified: Public

Điều 54. Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ 47
Điều 55. Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ 47
Điều 56. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư Và Cho Quỹ 47
Điều 57. Nguyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cung Cấp Báo Giá 48
CHƯƠNG 12. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ 48
Điều 58. Lợi Nhuận Của Quỹ 48
Điều 59. Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ 49
CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU QUỸ 51
Điều 60. Các Điều Kiện Hợp Nhất, Sáp Nhập 51
Điều 61. Các Điều Kiện Tách Quỹ 51
Điều 62. Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ 51
CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 52
Điều 63. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích 52
CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 53
Điều 64. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư 53
Điều 65. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ 53
Điều 66. Đăng Ký Điều Lệ 53
Điều 67. Điều Khoản Thi Hành 54
Các Phụ lục Đính Kèm 54
PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 55
PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 57
PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 58
PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 59

Classified: Public

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010;

2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;

3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi Nghị định 58/2012/NĐ- CP hướng dẫn Luật Chứng Khoán và Luật Chứng Khoán sửa đổi;

4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

5. Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;

6. Thông tư số 183/2011/TT-BTC cua Bộ Tài chính ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;

7. Thông tư số 15/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016;

8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;

9. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 201 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;

10. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

11. Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và

12. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Classified: Public

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như sau:

"Ban Đại Diện Quỹ"	là những người đại diện cho các Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
"Bản Cáo Bạch"	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và giao dịch Đơn Vị Quỹ.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"	là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
"Chứng Chỉ Quỹ"	là chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	là đại hội của các Nhà Đầu Tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại Lý Chuyển Nhượng"	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ này.
"Đại Lý Ký Danh"	là Đại Lý Phân Phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Đơn Vị Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại Sổ Phụ.
"Đại Lý Phân Phối"	là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để phân phối Đơn Vị Quỹ.
"Điểm Nhận Lệnh"	là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
"Điều Lệ"	là điều lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm.
"Đơn Vị Quỹ"	là một đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà Nhà Đầu Tư đó có quyền biểu quyết và được hưởng các lợi ích gắn liền với nó. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho một phần lợi ích, quyền và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Trị Tài Sản Ròng" hay **"NAV"**	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
"Hợp Đồng Giám Sát"	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến việc giám sát hoạt động của Quỹ.

Classified: Public

"Lệnh Bán Được Chấp Nhận"	là lệnh bán Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh bán đó.
"Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt chuyển đổi được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển đổi đó.
"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt chuyển nhượng được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.
"Lệnh Mua Được Chấp Nhận"	là lệnh mua Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư hoặc của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua đã được xác nhận là đã nhận được.
"Lệnh Được Chấp Nhận"	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm gồm hai hoặc nhiều lệnh trên.
"Ngân Hàng Giám Sát"	là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ. Thông tin chi tiết về Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.
"Ngày Định Giá"	là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.
"Ngày Giao Dịch"	là Ngày Định Giá mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ thực hiện phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ.
"Ngày Làm Việc"	là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
"Người Có Liên Quan"	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, hoặc quy định khác thay thế quy định tại Điều 6.34 bên trên.
"Nhà Đầu Tư"	là nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ hoặc được ghi nhận là chủ sở hữu của một hoặc một số Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
"Pháp Luật"	là pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
"Quỹ"	là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital hoặc bất kỳ quỹ nào khác kế thừa quyền và nghĩa vụ của quỹ này.
"Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư" hoặc **"Sổ Chính"**	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Đơn Vị Quỹ của họ.
"Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư Phụ" hoặc **"Sổ Phụ"**	là sổ đăng ký nhà đầu tư do Đại Lý Ký Danh lập và quản lý theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư mà Đại Lý Ký Danh đó quản lý.

Classified: Public

"Sự Kiện Bất Khả Kháng"	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch hoặc Pháp Luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất, hạn hán, sóng thần và lũ lụt); (b) chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận; (c) nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến; (d) nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó; (e) bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn; (f) hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc (g) đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của Pháp Luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.
"Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh"	là thời điểm cuối cùng mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch tương ứng.
"Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán" hay **"VSD"**	Là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"UBCKNN"	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"Việt Nam"	là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
"Vốn Điều Lệ"	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả các Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Đơn Vị Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.
"VND" hay **"Đồng Việt Nam"**	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ

Tên tiếng Việt:	QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG TUỆ SÁNG VINACAPITAL
Tên tiếng Anh:	VINACAPITAL INSIGHTS BALANCED FUND
Tên viết tắt:	VIBF
Địa chỉ liên hệ:	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931
Website:	wm.vinacapital.com

Classified: Public

Điều 2. Thời Hạn Của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức Của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật và quy định của Điều Lệ này.

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Đơn Vị Quỹ Được Chào Bán

4.1 Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ được chia thành các Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ là 10.000 VND (mười ngàn Đồng Việt Nam).

4.2 Nhà Đầu Tư góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

4.3 Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

4.4 Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ Của Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

Classified: Public

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng Giá Trị Tài Sản Ròng trung và dài hạn (từ hai (2) năm đến năm (5) năm) và tạo thu nhập ổn định cho Nhà Đầu Tư thông qua đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Chi tiết về các loại tài sản mà Quỹ sẽ đầu tư được thể hiện tại Điều 9.9(a.a) của Điều Lệ này.

Classified: Public

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bổ Tài Sản

9.1 Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư năng động hoặc chiến lược đầu tư giá trị tùy vào diễn biến của thị trường và tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu niêm yết của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

9.2 Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại Điều 9.9(a.a) của Điều Lệ này.

9.3 Trái phiếu doanh nghiệp được xem xét đầu tư nếu trái phiếu đó thỏa mãn một trong các tiêu chí quy định tại các Điều 9.9(a.a)(iv), (v) và (vi) của Điều Lệ này và thỏa mãn các tiêu chí do Công Ty Quản Lý Quỹ đề ra và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống để đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, diễn biến lạm phát, lãi suất và tỷ giá để đưa ra quyết định đầu tư liên quan đến kỳ hạn, lợi suất trái phiếu và nhóm ngành của tổ chức phát hành. Bên cạnh đó, Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời áp dụng phương pháp phân tích từ dưới lên để chọn lọc các tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng tốt và có đủ năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu khi đến hạn.

9.4 Đối với tài sản đầu tư là cổ phiếu, Quỹ áp dụng chiến lược năng động và sẽ tập trung vào cổ phiếu giá trị, nhưng tùy vào điều kiện thị trường, Quỹ cũng sẽ xem xét đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng để nắm bắt cơ hội. Cụ thể, Quỹ sẽ chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong các tiêu chí quy định tại Điều 9.9(a.b) của Điều Lệ này của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh, có khả năng hoạt động tốt kể cả trong điều kiện thị trường không thuận lợi và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đưa ra các phương án đầu tư và được toàn quyền lựa chọn và đầu tư các cổ phiếu thích hợp để tối ưu hóa lợi ích của Quỹ và đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ này và các quy định liên quan của Pháp Luật.

9.5 Quỹ áp dụng phương pháp phân tích tiếp cận từ trên xuống để phân tích vĩ mô, phân tích ngành nhằm chọn ra các ngành nghề hiệu quả, có tiềm năng tăng trưởng kết hợp với phương pháp phân tích tiếp cận từ dưới lên để phân tích các chỉ số cơ bản của các công ty mục tiêu nhằm lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty đang được định giá hấp dẫn và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong nhiều ngành khác nhau. Từ kết quả của các phân tích này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất và thực hiện các khoản đầu tư phù hợp cho Quỹ. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu. Công Ty Quản Lý Quỹ được toàn quyền quyết định danh mục đầu tư của Quỹ phù hợp với các hạn chế đầu tư theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

9.6 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

9.7 Quỹ có mục tiêu đầu tư vào danh mục cân bằng giữa cổ phiếu và các tài sản thu nhập cố định. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư năng động nhằm vào tăng trưởng vốn. Tỷ lệ phân bổ kỳ vọng của Quỹ sẽ là đầu tư tối thiểu 80% tổng tài sản của Quỹ vào cổ phiếu và trái phiếu, trong đó tối thiểu 30% vào cổ phiếu và tối thiểu 30% vào trái phiếu. Cơ cấu phân bổ ở trên là cơ cấu kỳ vọng, tùy vào tình hình thực tế của thị trường, Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi cơ cấu đầu tư ở trên cho phù hợp với thị trường.

9.8 Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ này và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

9.9 Quỹ sẽ đầu tư vào các tài sản sau:

a) Tài sản có thu nhập cố định:

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật;

(ii) Ngoại tệ và công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật liên quan;

(iii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

(iv) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật;

(v) Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành mà đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và

(vi) Trái phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trái phiếu trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ thực hiện giao dịch và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

b) Cổ phiếu:

(i) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch;

(ii) Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; và

Classified: Public

(iii) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

c) Công cụ phái sinh:

Quỹ có thể đầu tư vào chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư

10.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại các Điều 9.9(a)(i) và (ii) của Điều Lệ này;

b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các Điều 9.9(a)(i), (ii), (iv), (v) và (vi), các Điều 9.9(b) và Điều 9.9(c) của Điều Lệ này mà do một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau phát hành, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh theo quy định tại Điều 9.9(c) là giá trị cam kết của hợp đồng được xác định theo phương pháp định giá chứng khoán phái sinh quy định tại Phụ Lục 4 của Điều Lệ này;

c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính Phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết hoặc trái phiếu chuyển đổi;

d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính Phủ;

e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các Điều 9.9(a)(v) và (vi) và Điều 9.9(b)(ii) của Điều Lệ;

f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ;

h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và

j) Tại mọi thời điểm trong danh mục phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

10.2 Trừ trường hợp quy định tại các Điều10.1(g), (h) và (i) bên trên, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10.1 nếu sự sai lệch đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Classified: Public

a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;

c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;

d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thâu tóm các tổ chức phát hành;

e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc

f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

10.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 10.1 trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

10.4 Trường hợp do lỗi của Công Ty Quản Lý Quỹ dẫn đến danh mục đầu tư của Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và bồi thường cho Quỹ các tổn thất (nếu phát sinh). Tuy nhiên, nếu phát sinh lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

10.5 Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi và công cụ tiền tệ theo quy định tại các Điều 9.9a)(i) và (ii) của Điều Lệ này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 11. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ

11.1 Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều Lệ này.

11.2 Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch mua lại Đơn Vị Quỹ từ Nhà Đầu Tư và chỉ thực hiện sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa không quá ba mươi (30) ngày.

11.3 Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán, trừ khi được phép thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

11.4 Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính Phủ và các quy định liên quan khác của Pháp Luật.

Điều 12. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và quy định liên quan của Pháp Luật.

Classified: Public

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

13.1 Nhà Đầu Tư có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.

13.2 Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho Nhà Đầu Tư đối với số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế nào đối với người đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

13.3 Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Nhà Đầu Tư.

13.4 Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu Tư.

Điều 14. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư

14.1 Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:

a) nhận thanh toán và được hưởng các khoản phân chia (nếu có) do Quỹ thực hiện vào từng thời điểm tương ứng với số Đơn Vị Quỹ đang sở hữu;

b) được phân chia tài sản hợp pháp tương ứng với số Đơn Vị Quỹ đang sở hữu nếu Quỹ bị thanh lý;

c) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Đơn Vị Quỹ mà mình đang sở hữu, theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

d) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;

e) trong trường hợp quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật cho phép, được chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ; và

f) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

14.2 Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

a) với tư cách là Nhà Đầu Tư, gánh chịu các tổn thất hoặc nợ của Quỹ (nếu có), được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ đồng thời thanh toán đủ tiền mua Đơn Vị Quỹ đã đăng ký;

b) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ;

c) chấp nhận rằng các thông tin của Nhà Đầu Tư có thể được tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Pháp Luật hoặc pháp luật nước ngoài; và

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này.

Classified: Public

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

15.1 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và Đại Lý Ký Danh (nếu có) lập và quản lý Sổ Phụ để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.

15.2 Sổ Chính và Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Ly Quỹ; tên, địa chi trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ.

b) Thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm:

(i) Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); và

(ii) Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền đại diện số Đơn Vị Quỹ thuộc sở hữu của tổ chức đó.

c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Người Sơ Hữu Đơn Vị Quỹ và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là người nước ngoài;

d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư hoặc Sổ Phụ.

15.3 Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Người Sờ Hữu Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật, ngoại trừ thông tin về Nhà Đầu Tư của các đại lý ký danh nước ngoài. Thông tin về phần sở hữu của Nhà Đầu Tư và của đại lý ký danh nước ngoài trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

Điều 16. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

16.1 Sau thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai (2) lần mỗi tháng.

16.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:

a) Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày Thứ Năm hàng tuần. Trong trường hợp ngày Thứ Năm không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Năm kế tiếp mà ngày đó là Ngày Làm Việc.

b) Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

Classified: Public

16.3 Việc thực hiện lệnh mua của Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Một lệnh mua Đơn Vị Quỹ được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ;

b) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn quy định tại Bản Cáo Bạch để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, tên và số tài khoản của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua Đơn Vị Quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát;

c) Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khác về việc đã nhận đầy đủ tiền mua Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư;

d) Giá trị giao dịch của một lệnh mua phải không được nhỏ hơn năm trăm ngàn Đồng Việt Nam (500.000 VND) hoặc một giá trị khác được công bố tại Bản Cáo Bạch vào từng thời điểm; và

e) Số lượng Đơn Vị Quỹ bán cho Nhà Đầu Tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

16.4 Việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Một lệnh bán Đơn Vị Quỹ được xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh bán đó;

b) Một Lệnh Bán Được Chấp Nhận phải bao gồm tối thiểu mười (10) Đơn Vị Quỹ. Để Nhà Đầu Tư có thể duy trì tài khoản, số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu Tư không được thấp hơn mười (10) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp nếu việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu Tư dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là mười (10) Đơn Vị Quỹ, lệnh bán đó sẽ được tự động hủy cho Ngày Giao Dịch tương ứng đó và Nhà Đầu Tư phải thực hiện lệnh bán mới vào Ngày Giao Dịch Tiếp theo cho toàn bộ số dư Đơn Vị Quỹ hoặc bán một số lượng Đơn Vị Quỹ ít hơn sao cho tài khoản của mình vẫn đảm bảo số dư tối thiểu là mười (10) Đơn Vị Quỹ;

c) Một Lệnh Bán Được Chấp Nhận có thể không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch;

d) Việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn và theo phương thức được công bố tại Bản Cáo Bạch nhưng trong mọi trường hợp không chậm hơn bảy (7) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng.

Classified: Public

16.5 Một lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ để mua đơn vị quỹ của quỹ khác được xem là Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển đổi đó và sẽ được đồng thời xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận tương ứng với Số Đơn Vị Quỹ được đặt để chuyển đổi. Quy trình thực hiện Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận phđược công bố tại Bản Cáo Bạch.

16.6 Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

16.7 Nhà Đầu Tư có thể thực hiện chuyển nhượng phi thương mại dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện phán quyết của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền số Đơn Vị Quỹ mà mình đang sở hữu. Một lệnh chuyển nhượng phi thương mại được xem là Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký chuyển nhượng được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.

16.8 Phù hợp với quy định tại Điều 17, các Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu hủy Lệnh Mua Được Chấp Nhận đó. Tất cả các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận bị hủy đó, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới tại Ngày Giao Dịch tiếp theo.

16.9 Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh đối với các Lệnh Được Chấp Nhận để thực hiện vào một Ngày Giao Dịch cụ thể là vào 10 giờ 30 phút sáng của Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch đó. Một lệnh mua được đặt trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được số tiền trước bốn (4) giờ chiều của Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch tương ứng được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận để thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó.

16.10 Tất cả các khoản thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, họ tên và số tài khoản của Nhà Đầu Tư là người thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó.

Điều 17. Thực Hiện Một Phần Lệnh Được Chấp Nhận và Tạm Dừng Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

17.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:

(i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VND); hoặc

Classified: Public

(ii) Giá trị phần Đơn Vị Quỹ hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn số Đơn Vị Quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc

(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Đơn Vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại điểm (i) bên trên) hoặc số Đơn Vị Quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(iv) Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt và công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(v) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp vớiquy định của Pháp Luật.

17.2 Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (3) Ngày Làm Việc kể tư Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin diện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

17.3 Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, toàn bộ phần chưa thực hiện của các Lệnh Được Chấp Nhận được ghép cùng với các Lệnh Được Chấp Nhận tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch của các Lệnh Được Chấp Nhận là như nhau. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện phần bị hủy của Lệnh Được Chấp Nhận, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17.1.

17.4 Đối với trường hợp quy định tại Điều 17.1(a), Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Ngoài ra, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bằng toàn quyền xem xét của mình thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận (thay vì chỉ thực hiện một phần) mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại các Điều 17.1(a) và 17.1(b)(i).

17.5 Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Đơn Vị Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện được giao dịch Đơn Vị Quỹ do xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ vào Ngày Giao Dịch do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc do các sở giao dịch chứng khoán tạm ngừng giao dịch;

c) Việc tạm ngừng là cần thiết cho mục đích kỹ thuật hoặc lý do phát sinh từ việc tam ngừng cung cấp dịch vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giam Sát hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng; hoặc

d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

Classified: Public

17.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 17.5 và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

17.7 Thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất.

17.8 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ theo quy định tại Điều 17.7, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hợp nhất hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ.

17.9 Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

17.10 Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ theo quy định tại Điều 17.5 chấm dứt, các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận đã được nhận trước thời điểm tạm dừng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch đó.

Điều 18. Thừa Kế Chứng Chỉ Quỹ

18.1 Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của Pháp Luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

18.2 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của Pháp Luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 19. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Đơn Vị Quỹ

19.1 Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua, bán, chuyển nhượng, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này nhưng phải công bố công khai trong Bản Cáo Bạch.

19.2 Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ được áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.3 Giá dịch vụ mua lại Đơn Vị Quỹ được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Đơn Vị Quỹ được bán. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Đơn Vị Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

Classified: Public

19.4 Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán khi chuyển đổi Đơn Vị Quỹ lấy đơn vị quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.5 Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với Đơn Vị Quỹ áp dụng đối với Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giá dịch vụ đối với một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá (i) năm trăm ngàn Đồng Việt Nam (500.000 VND) hoặc (ii) ba phần trăm (3%) tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của tổng số Đơn Vị Quỹ chuyển nhượng được xác định tại Ngày Giao Dịch tương ứng đó, tùy giá trị nào nhỏ hơn, và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.

19.6 Mọi thay đổi về giá dịch vụ giao dịch Đơn Vị Quỹ chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

20.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

20.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ khi:

a) việc tổ chức họp thường niên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận; và

b) nội dung thảo luận và xin ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư không liên quan đến các vấn đề sau: (i) thay đổi cơ bản chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; (ii) tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; (iii) thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; hoặc (iv) sáp nhập quỹ, hợp nhất, chia tách hoặc giải thể Quỹ.

20.3 Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội.

Classified: Public

20.4 Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điều 20.3 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát và phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ;

21.2 Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

21.3 Quyết định việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;

21.4 Quyết định việc tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ hoặc chia tách Quỹ;

21.5 Quyết định việc giải thể Quỹ;

21.6 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; và

21.7 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ này và theo quy định của Pháp Luật.

Điều 22. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản

22.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài các vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội.

22.2 Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thực khác.

22.3 Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần tram (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành.

22.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản Điều 22.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự cuộc họp.

22.5 Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc thư điện tử (e-mail). Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Classified: Public

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư do Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban Đại Diện Quỹ đứng ra chủ trì.

c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

22.6 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng Nhà Đầu Tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức;

(iv) số lượng Đơn Vị Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;

(v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vii) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

(ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức.

c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu Tư), bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;

(ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;

(v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

Classified: Public

và

(vi) Các quyết định đã được thông qua.

e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Classified: Public

Điều 23. Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

23.1 Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.

23.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức biểu quyết khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

23.3 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 dưới đây.

23.4 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp về các vấn đề quy định tại các Điều 21.2 và Điều 21.3 chỉ được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Đơn Vị Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.

23.5 Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số Đơn Vị Quỹ của những Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành, không phụ thuộc vào vấn đề lấy ý kiến.

23.6 Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

23.7 Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

Điều 24. Phản Đối Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

24.1 Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số nội dung quy định tại các Điều 21.2 và Điều 21.3 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại toàn bộ số Đơn Vị Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi cho Công Ty Quản Lý quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi số Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 23 đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong thời hạn quy định tại Điều 23. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại hay giá dịch vụ chuyển đổi. Giá mua lại Đơn Vị Quỹ trong trường hợp này sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch mà yêu cầu mua lại đó được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.

Classified: Public

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban đại diện Quỹ

25.1 Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diên Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ. Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại Diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

25.2 Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán;

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

25.3 Trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm hoặc cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ không đáp ứng quy định tại Điều 25.2, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 26 để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 26. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

26.1 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp Luật; và

c) có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

26.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Đơn Vị Quỹ.

26.3 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

Điều 27. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ

27.1 Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;

b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định

Classified: Public

Giá Trị Tài Sản Ròng;

c) Phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;

d) Phê duyệt các giao dịch tài sản của Quỹ đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

e) Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;

f) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.7 của Điều Lệ này;

g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và

h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

27.2 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.7 bên trên, Ban Đại Diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư theo phương thức quy định tại Điều Lệ này.

27.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

28.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

28.2 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ; và

d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.

Classified: Public

Điều 29. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ

Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 30. Đình Chỉ Và Bãi Miễn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

30.1 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

a) Bị khởi tố hoặc truy tố;

b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của Pháp Luật hoặc quyết định của UBCKNN hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác;

d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ; hoặc

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

30.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

a) Bị cách chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi có quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) Tiết lộ các bí mật của Quỹ mà việc tiết lộ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Quỹ;

c) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;

d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ; hoặc

e) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều Lệ này.

30.3 Thủ tục đình chỉ hoặc miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong kỳ theo quy định tại điểm b, c, d và e Điều 30.2 như sau:

a) Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chỉ định (trường hợp Chủ Tịch là người vi phạm) triệu tập cuộc họp thành viên Ban Đại Diện Quỹ về những vi phạm của thành viên Ban Đại Diện Quỹ có liên quan; và

b) Ban Đại Diện Quỹ thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên vi phạm và công bố thông tin theo quy định.

Classified: Public

Điều 31. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Ban Đại Diện Quỹ

31.1 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

31.2 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên.

31.3 Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ có thể được tổ chức họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

31.4 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ được quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Ban Đại Diện Quỹ bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Đại Diện Quỹ mà không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.

31.5 Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp quyết định của Ban Đại Diện Quỹ chỉ được thông qua khi có từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.

31.6 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

32.1 Được thực hiện nghiệp vụ quan lý quỹ theo quy định của Pháp Luật;

32.2 Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;

32.3 Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở; và

32.4 Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 33. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

33.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ Điều Lệ của Quỹ và quy định của Pháp Luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật;

Classified: Public

d) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

(i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;

(ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay và các tài liệu liên quan tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ;

(iii) Trường hợp đầu tư góp vốn, giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), bản trích lục sổ cổ đông, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

(iv) Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

(v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;

(vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật; và

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

e) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công Ty Quản Lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

f) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư; và

(iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ cho bên thứ ba. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về thành lập và tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các

Classified: Public

quy định tại Điều Lệ của Quỹ.

g) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát;

h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định của Điều Lệ này thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quỹ;

i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của Điều Lệ này;

j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình của Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;

k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định tại Điều Lệ này. Việc bồi thường cho Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

l) Công Ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét thấy cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của Pháp Luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k) Điều 3233.1 bên trên;

m) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của Pháp Luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán;

n) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

   (i) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong một năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó; và

   (ii) Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong một năm thông qua công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó.

o) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

p) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

Classified: Public

(i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ; và

q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

33.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền và quyền hạn sau:

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;

e) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư như được quy định tại Điều Lệ này và theo đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điệu Lệ này và của Pháp Luật;

f) Tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều Lệ này;

g) Được quyền yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu Tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo Pháp Luật hiện hành;

h) Ký hợp đồng phân phối Đơn Vị Quỹ với các Đại Lý Phân Phối;

i) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản Cáo Bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/ hoặc Ban Đại Diện Quỹ);

j) Quyết định mức giá dịch vụ mua, bán, chuyển đổi và chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch;

k) Đảm bảo tần suất và thời gian giao dịch Đơn Vị Quỹ không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng;

l) Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Điều Lệ này hoặc quy định liên quan của Pháp Luật;

m) Có thể sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài. Tuy nhiên, việc đầu tư này phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Ban Đại Diện Quỹ hoặc

Classified: Public

Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận bằng văn bản và được UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận bằng văn bản.

Điều 34. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

34.1 Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Bị hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;

d) Quỹ hết thời gian hoạt động; hoặc

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

34.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng tiến hành bàn giao các quyền, nghĩa vụ và thông tin, tại liệu và hồ sơ của Quỹ cho đơn vị tiếp nhận (nếu có).

34.3 Trong trường hợp có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 34.1(a), Quỹ sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí như sau:

a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phảy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Classified: Public

Điều 35. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong quá trình quản lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu những hạn chế sau:

35.1 Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan của Ngân Hàng Giám Sát;

35.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ và ngược lại;

35.3 Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được mua, bán Đơn Vị Quỹ thông qua Đại Lý Chuyển Nhượng như một Nhà Đầu Tư thông thường theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

35.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán Đơn Vị Quỹ quy định tại Điều 35.3 này và các giao dịch được quy định rõ trong Điều Lệ này, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ;

35.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch, và phải được quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch này phải bao gồm loại chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và được lưu trong vòng mười lăm (15) năm và phải được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu;

35.6 Khi Công Ty Quản Lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do bên thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản giá dịch vụ đã được nêu rõ trong Điều Lệ này;

35.7 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ không được:

a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;

b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ hoặc công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

c) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

d) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Hội Đồng Thành Viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

e) Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức hoặc cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng mà Pháp Luật cho phép hoặc giao dịch trái phiếu theo quy định của Pháp Luật;

f) Sử dụng tài sản của Quỹ để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý

Classified: Public

Quỹ, tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch, Giám Đốc, Phó Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ; hoặc

g) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công Ty Quản Lý Quỹ;

35.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường;

35.9 Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất hoặc sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu của mình, vốn của Quỹ và các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) tổng cộng trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau và với điều kiện là cơ cấu đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 10.1(d) vẫn phải được tuân thủ:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về việc chào mua, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và

b) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật về chào mua công khai chứng khoán.

35.10 Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này; và

35.11 Các hạn chế khác theo quy định của Pháp Luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây và các điều kiện khác theo quy định của Pháp Luật:

36.1 Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;

36.2 Không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ;

36.3 Có đầy đủ năng lực để cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và

36.4 Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát

37.1 Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của những Nhà Đầu Tư trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giam Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp

Classified: Public

Đồng Giám Sát;

b) Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký các tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản cua các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV được tính toán chính xác;

c) Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giam Sát;

d) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ của Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;

e) Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;

f) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này; và

g) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

37.2 Ngân Hàng Giám Sát có các quyền như sau:

a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết;

b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết; và

c) Được quyền nhận tiền giá dịch vụ cho việc cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ (thay mặt cho Quỹ) và Ngân Hàng Giám Sát, quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.

37.3 Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 38. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát

38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát theo Hợp Đồng Giám Sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ đảm bảo tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ

Classified: Public

này;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này;

c) Đảm bảo rằng trong trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại Ngân Hàng Giám Sát, trừ trường hợp chứng khoán đã đăng ký và lưu ký tập trung. Đối với chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quỹ chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát;

d) Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại Diện Quỹ;

e) Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành;

f) Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, Ngân Hàng Giám Sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;

g) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

h) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này;

i) Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản Lý Quỹ, chuyển khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngân Hàng Giám Sát không phải chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được gửi tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó; và

j) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

Classified: Public

38.2 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

38.3 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

38.4 Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

38.5 Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

38.6 Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 39. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát

39.1 Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Ngân Hàng Giám Sát giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ky hoạt động lưu ký chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giam Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

c) Qũy bị giải thể;

d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ; hoặc

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và theo Hợp Đồng Giám Sát.

Classified: Public

39.2 Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giam Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát nếu việc chuyên giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được thực hiện hoàn thành.

39.3 Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đôi với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền

40.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều Lệ này và quy định liên quan của Pháp Luật.

40.2 Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:

a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng;

b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư; và

c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).

40.3 Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 40.2 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định tại 0.

Điều 41. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Nhà cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

41.1 Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín, đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;

41.2 Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;

41.3 Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;

41.4 Am hiểu về Pháp Luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;

41.5 Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ; và

41.6 Nhà cung cấp dịch vụ phải có hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 42. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

42.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ:

a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định Pháp Luật và Điều Lệ này; và

Classified: Public

b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

42.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của Pháp Luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;

b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại các Điều 40.2(a) và (b) của Điều Lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;

d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

Điều 43. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền

43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

43.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị, cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.

43.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ, bằng chi phí của mình, được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định Điều 43.3 này.

43.4 Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.

43.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình, hệ thống, bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.

43.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

43.7 Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

43.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

43.9 Tối thiểu một (01) năm một (01) lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền; và

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư tiềm năng.

Classified: Public

43.10 Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 43.3 và báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ của hoạt động ủy quyền quy định tại Điều 43.9 và các tài liệu liên quan khác phải được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 44. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền

44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;

b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;

c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại Điều 41 hoặc Điều 42.2;

d) Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

44.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 44.1 bên trên, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công Ty Quản Lý Quỹ thuê.

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 45. Đăng Ký Hoạt Động Phân Phối Đơn Vị Quỹ

45.1 Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối:

a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải có đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;

b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định Pháp Luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở; và

c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ, lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn Vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.

Classified: Public

45.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy định của Pháp Luật và các điều khoản tại hợp đồng đại lý phân phối.

45.3 Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

45.4 Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối Đơn Vị Quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

a) Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định của Pháp Luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán; và

b) Các nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 46. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh

46.1 Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Pháp Luật. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định Pháp Luật;

d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư; và

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư.

Classified: Public

Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

46.2 Đại Lý Phân Phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:

a) Làm Đại Lý Ký Danh; và

b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm Đại Lý Phân Phối.

46.3 Đại Lý Ký Danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật liên quan.

Điều 47. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Đơn Vị Quỹ

47.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức liên quan phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

47.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Đơn Vị Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Đơn Vị Quỹ.

47.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

47.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Đơn Vị Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

47.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Classified: Public

47.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Đơn Vị Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

47.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Đơn Vị Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Đơn Vị Quỹ, nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ khi phân phối Đơn Vị Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

47.8 Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Đơn Vị Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

48.1 Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;

48.2 Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm; và

48.3 Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 49. Năm Tài Chính

49.1 Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

49.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Chế Độ Kế Toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định của Pháp Luật liên quan tới công tác kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Classified: Public

Điều 51. Báo Cáo Tài Chính

51.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

51.2 Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 52. Báo Cáo Khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

53.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

53.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập danh sách bao gồm tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát và phải được Ban Đại Diện Quỹ thông qua theo nguyên tắc quy định tại Điều 57 của Điều Lệ này.

53.3 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận theo phương thức quy định tại Điều 55.2 của Điều Lệ này.

53.4 Trong thời hạn không quá ba (03) ngày kể từ Ngày Giao Dịch, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

53.5 Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

53.6 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ ít nhất hai (02) tuần một (01) lần hoặc thời hạn khác ngắn hơn theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được thông báo công khai đến Nhà Đầu Tư trên các phương tiện công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ sau khi có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Classified: Public

53.7 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng Việt Nam, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.

Điều 54. Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

54.1 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết tại sổ tay định giá của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật và đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

54.2 Giá Trị Tài Sản Ròng của một Đơn Vị Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

54.3 Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được nêu trong Phụ Lục 4 và được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ này và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 55. Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ

Quy trình định giá tài sản Quỹ như sau:

55.1 Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.

55.2 Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều 56. Đền Bù Thiệt Hại Cho Nhà Đầu Tư Và Cho Quỹ

56.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Đơn Vị Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ một phần trăm (1%) Giá Trị Tài Sản Ròng trở lên.

56.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Đơn Vị

Classified: Public

Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã bán; và

b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

56.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai; và

b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian bị định giá sai.

56.4 Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư theo quy định tại các Điều 56.2 và 56.3 được hạch toán vào Quỹ.

56.5 Trường hợp mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu Tư theo quy định tại các Điều 56.2 và 56.3 nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) Đồng Việt Nam, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quỹ thay vì thanh toán cho Nhà Đầu Tư.

56.6 Các trường hợp đền bù khác thực hiện theo quy định của Pháp Luật và/ hoặc Điều Lệ này.

Điều 57. Nguyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cung Cấp Báo Giá

57.1 Danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

57.2 Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất để Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

CHƯƠNG 12. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 58. Lợi Nhuận Của Quỹ

58.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

58.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này).

58.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

Classified: Public

58.4 Nguồn để phân phối cổ tức của Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:

a) Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ;

b) Nguồn chia phải từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động; và

c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

58.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư.

58.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ);

b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn Vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn Vị Quỹ);

d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và

e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

58.7 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.

58.8 Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Đơn Vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

58.9 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

Điều 59. Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ

59.1 Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính bằng một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Định Giá liên quan và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổng giá dịch vụ thu hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ của kỳ định giá = 1,75% x NAV tại ngày Ngày Định Giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

59.2 Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

59.3 Chi phí thưởng hoạt động: Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

59.4 Giá dịch vụ giám sát, lưu ký, phí quản trị quỹ được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

a) Giá dịch vụ giám sát là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là mười sáu triệu năm trăm ngàn (16.500.000) đồng một (01) tháng;

b) Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là mười một triệu năm trăm ngàn (11.500.000) đồng một (01) tháng;

c) Giá dịch vụ quản trị Quỹ là không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là hai mươi tám triệu (28.000.000) đồng một (01) tháng; và

d) Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.

59.5 Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là một trăm năm mươi nghìn (150.000) đồng/ một (01) giao dịch mua/ bán chứng khoán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; và

b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

59.6 Tiền giá dịch vụ trả cho tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

59.7 Tiền giá dịch vụ kiểm toán trả cho công ty kiểm toán.

59.8 Tiền giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.

59.9 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.

59.10 Trong quá trình giao dịch Đơn Vị Quỹ, Nhà Đầu Tư có thể phải thanh toán các loại giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi hoặc giá dịch vụ chuyển nhượng tương ứng với các giao dịch Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư thực hiện. Giá dịch vụ này do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố vào từng thời điểm và Nhà Đầu Tư thanh toán trực tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ mà không bao gồm trong chi phí hoạt động của Quỹ.

Classified: Public

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 60. Các Điều Kiện Hợp Nhất, Sáp Nhập

Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp Pháp Luật quy định, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

Điều 61. Các Điều Kiện Tách Quỹ

61.1 Việc tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và chỉ trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ mở vào Ngày Định Giá mua lại Đơn Vị Quỹ do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc

b) Các sự kiện khác do Điều Lệ Quỹ quy định hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư và UBCKNN xét thấy cần thiết.

61.2 Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 62. Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ

62.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

c) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

d) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn;

e) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

f) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;

g) Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đề xuất và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận giải thể Quỹ trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam; hoặc

h) Công Ty Quản Lý Quỹ yêu cầu thanh lý hợp đồng khi Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện.

62.2 Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

Classified: Public

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 63. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích

63.1 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ với các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Qũy với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý và của nhà đầu tư ủy thác; và

c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều Lệ này và Pháp Luật.

63.2 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

63.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và Pháp Luật hiện hành;

Classified: Public

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 64. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư

64.1 Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

64.2 Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

64.3 Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công Ty Quản Lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

64.4 Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư một (01) tuần sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

64.5 Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

64.6 Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 65. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Điều Lệ Quỹ chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại Hội Nhà Đầu Tư, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều Lệ của Quỹ không phải xin ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư như:

65.1 Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định Pháp Luật, kể cả những thay đổi được chấp thuận bởi UBCKNN; hoặc

65.2 Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 66. Đăng Ký Điều Lệ

66.1 Điều lệ Quỹ này bao gồm 15 Chương, 67 Điều và 04 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua và UBCKNN phê duyệt lần đầu và có hiệu lực thi hành kể từ ngày [●] tháng [●] năm 2018.

66.2 Các bản trích hay sao y của Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ mới có giá trị.

66.3 Điều Lệ này được lập thành bảy (07) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:

a) Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định của Pháp Luật;

b) Bốn (04) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

Classified: Public

Điều 67. Điều Khoản Thi Hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của Pháp Luật.

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục số 1: Cam Kết của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 4: Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 31 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THÁI THUẬN

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

*(sau đây gọi là "**Công Ty Quản Lý Quỹ**")*

cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Qũy Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng Vinacapital (sau đây gọi là "**Quỹ**"):

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;

2. thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuỵ và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà Đầu Tư;

3. đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm;

4. trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

5. định kỳ cung cấp Cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:

   a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Đơn Vị Quỹ mà các Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;

   b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

   c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ; và

   d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ và của Pháp Luật.

6. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

7. không được đầu tư vào các chứng khoán hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp Pháp Luật cho phép;

8. không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư;

Classified: Public

9. thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;

10. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

11. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

12. đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi của các Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho các Nhà Đầu Tư;

13. cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;

14. báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất; và

15. thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thái Thuận

TỔNG GIÁM ĐỐC

Classified: Public

PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

*(sau đây gọi là "**Ngân Hàng Giám Sát**")*

cam kết:

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;

2. đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;

3. thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;

4. thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

5. tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;

6. giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ theo các quy định của Pháp Luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

7. đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà Đầu Tư; và

8. đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện Ngân hàng giám sát

M.S.D.N: 0103617147 - C.T.T.N.H.H. NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

VŨ HƯƠNG GIANG
Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

*(sau đây gọi là "**Công Ty Quản Lý Quỹ**")*

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép thành lập do Ngân Hàng Nhà Nước cấp số: 236/GP-NHNN ngày 8 tháng 9 năm 2008
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 08/GCN-LBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: P1810-1815, Keangnam Hà Nội Landmark, E6 Phạm Hùng, Mễ Trì, Quạn Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 24) 3936 8000 Fax: (84 – 24) 3248 4355

*(sau đây gọi là "**Ngân Hàng Giám Sát**")*

Cùng cam kết:

1. thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho Nhà Đầu Tư;

2. tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;

3. thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Đồng Cổ Đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội Đồng Thành Viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn; và

4. không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Đại diện Công ty Quản lý Quỹ

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thái Thuận

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện Ngân hàng giám sát

M.S.D.N: 0103617147 - C.T.T.N.H.H
NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

VŨ HƯƠNG GIANG

Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Phương Pháp Định Giá Tài Sản

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát chấp thuận. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (ii): (i) Được xác định theo giá thị trường, là giá yết trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán; (ii) Trong trường hợp không có giá thị trường, thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lợi suất nội suy tuyến tính từ lãi suất trúng thầu gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ đó.
Trái Phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết cuối ngàycủa giao dịch thông thường trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trước Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá

Classified: Public

		được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.
Cổ Phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

Classified: Public

11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Sử dụng một trong các phương pháp sau để xác định giá, theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
14	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi
Chứng Khoán Phái Sinh		
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên trước ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các Tài Sản Khác		
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Ghi chú:

(i) Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.

(ii) Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp nội suy tuyến tính

Classified: Public

được quy định tại sổ tay định giá.

(iii) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.

(iv) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

(v) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA) để tham khảo.

2. Giá Trị Cam Kết Từ Các Hợp Đồng Phái Sinh

a) Giá trị cam kết là giá trị quy đổi thành tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

b) Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng các nguyên tắc xác định giá trị như sau:

(i) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở. Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

(ii) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán. Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

(iii) Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại Tài Sản	Giá Trị Cam Kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Classified: Public

Ghi chú:

(i) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(ii) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọ phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

(iii) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Classified: Public